

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1	Hiểu biết về dự án và gói thầu	Có am hiểu về gói thầu	Đạt
		Không am hiểu về gói thầu	Không đạt
1.2	Trình bày công tác chuẩn bị: + Nhân lực, thiết bị, vật liệu, lán trại dùng cho công trình và thiết bị thí nghiệm. + Vị trí đặt Ban chỉ huy công trường: Nhà thầu phải có thuyết minh vị trí Ban chỉ huy công trường rõ ràng, cụ thể, hợp lý và khả thi.	Có biện pháp khả thi Thuyết minh vị trí đặt Ban chỉ huy công trường hợp lý, khả thi và phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình.	Đạt
		Không có biện pháp khả thi Hoặc vị trí đặt Ban chỉ huy công trường Không hợp lý, không khả thi hoặc Không phù hợp với mặt bằng hiện trạng công trình.	Không đạt
1.3	Trình bày biện pháp thi công tổng thể các hạng mục chính của gói thầu	Có biện pháp khả thi	Đạt
		Không có biện pháp khả thi	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	Biện pháp thi công các khối nhà (bao gồm cả phần hoàn thiện khác theo BVTK)	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2.2	Biện pháp thi công xây dựng, cải tạo các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: Công, tường rào, sân, nhà để xe, cấp điện, Cấp thoát nước ngoài nhà,...	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt
2.3	Biện pháp thi công hệ thống PCCC + lắp đặt thiết bị PCCC	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật và bản vẽ khả thi	Đạt
		Không có giải pháp và bản vẽ khả thi	Không đạt
2.4	Biện pháp tổ chức cung cấp lắp và đặt thiết bị giáo dục	Có thuyết minh giải pháp khả thi	Đạt
		Không có thuyết minh khả thi	Không đạt
3	Khả năng cung cấp thiết bị, vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	Kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại: Xi măng các loại; Đá các loại; Đá granite; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch xây; Gạch ốp lát; sơn, thiết bị điện, nước, các loại cửa, thiết bị PCCC,...	Có bảng kê khai rõ ràng kèm theo tiêu chuẩn kỹ thuật còn hiệu lực	Đạt
		Không có bảng kê khai rõ ràng hoặc không có tiêu chuẩn kỹ thuật còn hiệu lực kèm theo	Không đạt
3.2	<p>Cam kết cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, kèm theo Hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Xi măng các loại; Đá các loại; Đá granite; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch xây; Gạch ốp lát; sơn, thiết bị điện, nước, các loại cửa, thiết bị PCCC,...</p> <p>- Đối với đơn vị cung cấp thiết bị PCCC phải có chức năng theo quy định của lĩnh vực PCCC:</p> <p>+ Có bảng kê khai đầy đủ, rõ ràng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; mã hiệu; hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa</p> <p>+ Có cam kết các thiết bị được kiểm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định</p>	<p>+ Có bảng kê khai đầy đủ, rõ ràng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; mã hiệu; hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa</p> <p>+ Có cam kết rõ ràng kèm theo hợp đồng nguyên tắc, ĐKKD của bên cung cấp</p>	Đạt
		Không có cam kết rõ ràng, không có bảng kê khai đầy đủ hàng hóa hoặc không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và 50/2024/NĐ-CP ngày 10/05/2024		
3.2	Mô tả đầy đủ, rõ ràng, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; mã hiệu; hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại E-HSMT.	Có mô tả đầy đủ đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại E-HSMT	Đạt
	(Tất cả các hàng hóa/thiết bị được quy định trong phạm vi cung cấp nêu tại Chương V phải có Catalogue hoặc hình ảnh/tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (hãng sản xuất) hoặc của nhà bán hàng chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT; Catalogue, hình ảnh/tài liệu kỹ thuật được sử dụng bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt; Trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài khác thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch. Bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT). Trường hợp trong catalogue không đầy đủ thông số theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải có xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất (hãng sản xuất) hoặc của nhà bán hàng để chứng minh.	Không có mô tả đầy đủ hoặc có mô tả nhưng không đúng so với đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu tại E-HSMT	Không đạt
3.4	Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm sử dụng cho gói thầu, kèm theo Quyết định của phòng LAS-XD có đầy đủ các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Có chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc và phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Đạt
		Không có chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc hoặc phòng thí nghiệm không đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		việc của gói thầu	
II	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông.		
1	Bảo vệ môi trường: Các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế và giảm thiểu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có biện pháp rõ ràng	Không đạt
2	Phòng chống cháy nổ: Các giải pháp cụ thể cho công việc xây lắp, khu vực để vật tư, thiết bị	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt
3	An toàn lao động: Các giải pháp an toàn cho người, máy móc, thiết bị, vật tư cụ thể trong quá trình thi công	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt
4	Nhà thầu có phương án cụ thể về công tác bố trí bãi thải, bãi tập kết vật liệu và công tác thu gom, vận chuyển phế thải đảm bảo vệ sinh môi trường	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể	Không đạt
5	Nhà thầu có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công đồng thời có cam kết với Chủ đầu tư	Có giải pháp cụ thể đồng thời có cam kết đảm bảo an toàn giao thông	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc không có cam kết đảm bảo an toàn giao thông	Không đạt
III	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
1	Đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước (bảo hành ít nhất trong 12 tháng)	Có giải pháp cụ thể và thời gian bảo hành, bảo trì đáp ứng yêu cầu.	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng	Không đạt
2	Đối với thiết bị: Có đầy đủ thuyết minh và cam kết : - Các hàng hóa cung cấp mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây;	Có đầy đủ thuyết minh và cam kết	Đạt
		Không có thuyết minh kèm theo cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ.	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành ít nhất là 12 tháng cho các thiết bị trong gói thầu và công tác hướng dẫn sử dụng, vận hành. - Đối với các thiết bị, hàng hóa có thời gian bảo hành >12 tháng theo nhà sản xuất thì cam kết thời gian bảo hành theo nhà sản xuất; - Đảm bảo có hàng hóa thay thế sẵn sàng trong trường hợp hàng hóa cung cấp có sự cố, đảm bảo việc sử dụng không gián đoạn. - Bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành ít nhất là 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì) cho các thiết bị của gói thầu. - Có đội ngũ hỗ trợ có khả năng đáp ứng trong vòng 12 giờ kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. - Đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt 		
IV	Các biện pháp đảm bảo chất lượng		
1	Lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công	Có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Đạt
		Không có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Không đạt
2	Thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong các hạng mục thi công chính	Đề xuất đủ các nội dung yêu cầu và biện pháp đảm bảo chất lượng đúng yêu cầu.	Đạt
		Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên hoặc đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng không hợp lý	Không đạt
3	Quản lý chất lượng vật tư, vật liệu:	Có thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung về công tác	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	<p>+ Các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.</p> <p>+ Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão</p>	quản lý chất lượng vật tư, vật liệu.	
		Không thuyết minh biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài, thiếu nội dung	Không đạt
4	Công tác kiểm tra chất lượng nội bộ của nhà thầu, lập hồ sơ quản lý chất lượng, chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định và lập phiếu yêu cầu TVGS, Ban QLDA tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành.	Có thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung theo yêu cầu.	Đạt
		Không thuyết minh hoặc có thuyết minh nhưng sơ sài, thiếu nội dung	Không đạt
V	Tiến độ thi công		
1	Thời gian hoàn thành công trình không quá 390 ngày , có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 390 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Đạt
		Đề xuất thời gian thi công vượt quá 390 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Không đạt
2	Biểu đồ tiến độ thi công, Biểu đồ huy động nhân sự, thiết bị, vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và Bản vẽ thi công	Có biểu đồ phù hợp với tiến độ thi công	Đạt
		Không có biểu đồ hoặc biểu đồ không phù hợp với tiến độ thi công	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ.	Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi	Đạt
		Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không khả thi	Không đạt
VI	Uy tín của nhà thầu		
1	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu phải có văn bản cam kết với chủ đầu tư/ Bên mời thầu về nội dung này. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).	- Có cam kết đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	Đạt
		- Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Không đạt

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.